

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 4, TP ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51 /2025/DS-ST

Ngày: 18-9-2025

*“V/v Tranh chấp thoả thuận  
sử dụng thẻ tín dụng”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Hoàng**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Cơ**.

Bà **Trương Thị Mỹ Hạnh**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Khuất Duy Toàn** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, tham gia phiên tòa:** Bà **Lương Thị Phương Thảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2025/TLST-DS ngày 07 tháng 07 năm 2025 về “*Tranh chấp thoả thuận sử dụng thẻ tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2025/QĐXXST-DS ngày 03/9/2025 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần T1. Địa chỉ: Số E Phố L, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Đỗ Minh P - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị

*Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông Đinh Việt C - Chức vụ: Giám đốc xử lý nợ Khách hàng cá nhân miền T – Trung tâm xử lý nợ khách hàng cá nhân – Khối xử lý và Thu hồi nợ T2.

*Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng trực tiếp :* Ông Trần Duy Q – Chức vụ: Chuyên viên; Theo giấy uỷ quyền ngày 19/02/2025.(có mặt).

**- Bị đơn:** Ông **Thái Hồng A** - sinh năm 1991; Địa chỉ: K Đ, phường H, TP.Đà Nẵng. Vắng mặt lần 2 không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 13 tháng 3 năm 2025, tại Bản tự khai 15/8/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Trần Duy Q trình bày:

Căn cứ các quy định của T2 và nhu cầu, khả năng trả nợ của ông Thái Hồng A, T2 đã chấp thuận cho ông Thái Hồng A được vay các khoản sau:

**I. Khoản vay nợ thẻ tín dụng theo Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng T2 kèm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 07/09/2022. cụ thể:**

Ngày 07/09/2022, ông Thái Hồng A có đề nghị mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng thương mại cổ phần T3 (T2) thông qua hình thức trực tuyến (online) theo quy định của T2. Sau khi đánh giá khách hàng, ngày 07/09/2022 T2 đã chấp thuận đề nghị của ông Thái Hồng A, đồng thời phát hành cho ông Thái Hồng A một thẻ tín dụng với thông tin:

- Số thẻ: 498796xxxxxx5069;
- Loại thẻ: Thẻ tín dụng quốc tế T2 hạng Silver.
- Hạn mức thẻ tín dụng: 29,000,000 đồng.
- Mục đích: Thanh toán, tiêu dùng;
- Lãi, phí áp dụng:

• **Lãi suất cho vay trong hạn (lãi giao dịch) tại thời điểm mở thẻ: 31.8%/năm.**  
(Căn cứ Quyết định số 368/2022/QĐ-TPB.RB, có hiệu lực ngày 04/05/2022 của T2)

• **Lãi suất cho vay trong hạn (lãi giao dịch) tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn: 43.2%/năm.** (Căn cứ Quyết định số 867/2023/QĐ-TPB.RB, có hiệu lực ngày 21/07/2023 của T2)

Nguyên tắc tính lãi giao dịch: (Căn cứ M (a) – Chương II - Phụ lục 01 - Sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân số 026/2022/SP-TPB.RB, có hiệu lực ngày 15/08/2022)

+ Đối với các giao dịch phải chịu lãi theo quy định này, tiền lãi được tính trên dư nợ giao dịch của KH và thời gian vay thực tế (từ ngày các giao dịch được cập nhật thành công vào hệ thống quản lý Thẻ T2 đến ngày KH hoàn trả hết dư nợ).

- + Tiền lãi được tính theo ngày, được cộng dồn và hạch toán thu vào ngày sao kê.
- + Lãi trong hạn được T2 quy định trong từng thời kỳ.
- + Lãi trong hạn = Lãi suất/365\*dư nợ giao dịch của KH\*thời gian vay thực tế.

• **Lãi quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.**

Nguyên tắc tính lãi quá hạn: (Căn cứ Mục 9.2 (a) – Chương II - Phụ lục 01 - Sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân số 026/2022/SP-TPB.RB ngày 15/08/2022).

Vào ngày đến hạn thanh toán, KH không trả nợ hoặc trả ít hơn giá trị thanh toán tối thiểu thì Ngày sau ngày đến hạn thanh toán là ngày bắt đầu quá hạn, KH phải trả phí chậm thanh toán theo quy định của T2 và:

+ Nếu số ngày quá hạn dưới 60 ngày: KH sẽ chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đối với số tiền thanh toán tối thiểu chưa trả hết của kỳ sao kê gần nhất kể từ ngày bắt đầu quá hạn đến ngày KH hoàn trả hết dư nợ quá hạn (**Lãi quá hạn = (150%\*lãi trong hạn)/365\*(5%\*tổng dư nợ kỳ sao kê gần nhất)\*số ngày quá hạn**).

• **Phí phạt chậm trả: 4,4% số tiền chậm thanh toán** (Căn cứ Phụ lục 03: Biểu phí Thẻ tín dụng quốc tế T2 - Quyết định số 1075/2021/QĐ-TPB.RB ngày 27/01/2022 của T2).

Nguyên tắc tính lãi: (Căn cứ Mục 9.2 (a) – Chương II - Phụ lục 01 - Sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân số 026/2022/SP-TPB.RB ngày 15/08/2022)

Được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên số tiền chậm trả nợ.

+ Nếu số ngày quá hạn dưới 60 ngày: KH phải chịu khoản tiền phí do chậm trả nợ số tiền thanh toán tối thiểu chưa trả hết của kỳ sao kê gần nhất tại ngày quá hạn.

+ Nếu số ngày quá hạn từ 60 ngày trở lên: KH phải chịu khoản tiền phí do chậm trả nợ trên toàn bộ dư nợ Thẻ chưa trả hết của kỳ sao kê gần nhất tại ngày quá hạn.

- **Ngày mở thẻ:** 07/09/2022; Thời hạn sử dụng thẻ: Từ ngày 07/09/2022 đến ngày 30/09/2027.

- **Ngày sao kê:** Ngày 20 hàng tháng, T2 thực hiện sao kê Thẻ tín dụng quốc tế T2 VISA trong đó liệt kê toàn bộ giao dịch Thẻ KH đã thực hiện và được tổ chức Thẻ quốc tế quyết toán trong kỳ (từ ngày 21 tháng trước đến ngày 20 tháng gửi sao kê) và gửi sao kê cho KH qua địa chỉ thư điện tử KH đăng ký với T2 được lưu trên hệ thống thẻ của T2 tối đa 05 ngày từ sau ngày 20 hàng tháng.

**Ngày đến hạn thanh toán:** Ngày 05 hàng tháng hoặc ngày làm việc tiếp theo nếu ngày đến hạn thanh toán trùng vào ngày nghỉ lễ hoặc ngày nghỉ), Chủ Thẻ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ hoặc ít nhất bằng số tiền thanh toán tối thiểu ghi trên sao kê.

## **II. Quá trình thực hiện Hợp đồng:**

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày **07/09/2022** đến ngày **20/05/2023**, tổng số tiền ông Thái Hồng A đã giao dịch, sử dụng bằng thẻ là **202,216,160** đồng; Số tiền ông Thái Hồng A thanh toán cho T2 là **175,095,402** đồng, bao gồm số tiền gốc: **172,480,000** đồng; phí, lãi: **2,615,402** đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo khoản 1 Điều 6 của bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế T2, số hiệu 026/2022/SP-TPB.RB).

Từ ngày **05/06/2023**, ông Thái Hồng A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại T2. T2 đã làm việc, gửi thông báo nhắc nợ nhưng không nhận được sự hợp tác trả nợ từ ông Thái

Hồng A. Việc vi phạm nghĩa vụ của ông Thái Hồng A như trên đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của T2. Do ông Thái Hồng A vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên ngày **20/09/2023** T2 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. (Căn cứ theo khoản 3.b Điều 6 của bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế T2, số hiệu 026/2022/SP-TPB.RB).

Tổng dư nợ của ông Thái Hồng A tính từ ngày **08/5/2023** đến ngày **20/9/2023** (thời điểm chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn) là: **34,103,419 đồng** (Trong đó: Nợ gốc: 28,870,000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 4,521,754 đồng; Nợ phí phạt chậm trả: 711,665 đồng)

Tạm tính đến ngày **18/9/2025**, ông Thái Hồng A còn nợ T2 số tiền cụ thể là:

- Nợ gốc thẻ: 28,870,000 đồng

- Nợ lãi trong hạn tính từ ngày **08/5/2023** đến ngày **20/9/2023**: 4,521,754 đồng

- Nợ lãi quá hạn tính từ ngày **21/9/2023** đến ngày **18/9/2025**: 37,313,012 đồng

*(150%\*lãi trong hạn/365\*dư nợ gốc\*số ngày quá hạn)*

- Nợ phí chậm trả **21/5/2023** đến ngày **20/09/2023**: 711,665 đồng

- Tổng dư nợ: **71,416,430 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi một triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi đồng)**

### **III. Đề nghị Quý Tòa xem xét và giải quyết**

T2 kính đề nghị quý Tòa xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

1. Theo đơn khởi kiện ngày 19/02/2025, T2 yêu cầu ông Thái Hồng A thanh toán cho T2 tổng dư nợ là 88,567,389 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 29,736,160 đồng; Nợ lãi, phí: 58,831,229 đồng).

Nay T2 sửa đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện, buộc ông Thái Hồng A thanh toán ngay cho T2 số tiền tính đến ngày 18/9/2025 là:

- Nợ gốc thẻ: 28,870,000 đồng;

- Nợ lãi trong hạn tính từ ngày **08/5/2023** đến ngày **20/9/2023**: 4,521,754 đồng;

- Nợ lãi quá hạn tính từ ngày **21/9/2023** đến ngày **18/9/2025**: 37,313,012 đồng;

*(150%\*lãi trong hạn/365\*dư nợ gốc\*số ngày quá hạn);*

- Nợ phí chậm trả **21/5/2023** đến ngày **20/09/2023**: 711,665 đồng;

- Tổng dư nợ: **71,416,430 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi một triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi đồng).**

2. Buộc ông Thái Hồng A phải thanh toán các khoản phát sinh (lãi, lãi phạt, phí phạt) trên tổng số tiền chưa thanh toán theo lãi suất đã thỏa thuận của hợp đồng tín dụng và các văn bản kèm theo kể từ ngày 19/9/2025 cho đến khi ông Thái Hồng A thanh toán hết các nghĩa vụ cho T2.

\* Đối với bị đơn Thái Hồng A Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã Niêm yết tất cả: Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về việc hoãn phiên họp kiểm tra việc giao

nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn, nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ chứng cứ của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng thương mại cổ phần T1**, buộc **Trương Văn T** thanh toán ngay cho Ngân hàng B thanh toán ngay cho Ngân hàng Tổng dư nợ: Tổng dư nợ: **71,416,430 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi một triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi đồng). trong đó:** Nợ gốc thẻ: 28,870,000 đồng; Nợ lãi trong hạn tính từ ngày **08/5/2023** đến ngày **20/9/2023**: 4,521,754 đồng; Nợ lãi quá hạn tính từ ngày **21/9/2023** đến ngày **18/9/2025**: 37,313,012 đồng;  $(150\% * \text{lãi trong hạn} / 365 * \text{dư nợ gốc} * \text{số ngày quá hạn})$ ; Nợ phí chậm trả **21/5/2023** đến ngày **20/09/2023**: 711,665 đồng;

Về nghĩa vụ chậm trả: Kể từ ngày 19/9/2025 ông Thái Hồng A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc **28,870,000** đồng chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận giấy đề nghị mở thẻ kiêm hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

**[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết:** Ông Thái Hồng A; Địa chỉ: K Đ, phường H, TP.Đà Nẵng, nên vụ án thuộc Tòa án nhân dân Khu Vực 4 - TP Đà Nẵng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2025.

**[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:** **Ngân hàng thương mại cổ phần T1** yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc Thái Hồng A có ký với Ngân hàng Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Do đó, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng*” khoản 15 Điều 4 Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 được sửa đổi bổ sung 2025.

**[1.3]** Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Thái Hồng A nhưng ông A vắng mặt

tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn **Ngân hàng thương mại cổ phần T1** yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Thái Hồng A phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày xét xử là 18/9/2025 là:

- Nợ gốc thẻ: 28,870,000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn tính từ ngày **08/5/2023** đến ngày **20/9/2023**: 4,521,754 đồng;
- Nợ lãi quá hạn tính từ ngày **21/9/2023** đến ngày **18/9/2025**: 44,076,940 đồng ( $150\% \times \text{lãi trong hạn} / 365 \times \text{tổng dư nợ quá hạn} \times \text{số ngày quá hạn}$ );
- Nợ phí chậm trả **21/5/2023** đến ngày **20/09/2023**: 711,665 đồng;
- Tổng dư nợ: **78,180,359 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi tám triệu một trăm tám mươi nghìn ba trăm năm mươi chín đồng.)**;

- Buộc ông Thái Hồng A phải thanh toán các khoản phát sinh (lãi, lãi phạt, phí phạt) trên tổng số tiền chưa thanh toán theo lãi suất đã thỏa thuận của hợp đồng tín dụng và các văn bản kèm theo kể từ ngày 19/9/2025 cho đến khi ông Thái Hồng A thanh toán hết các nghĩa vụ cho T2.

Nay T2 sửa đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện, buộc ông Thái Hồng A thanh toán ngay cho T2 số tiền tính đến ngày 18/9/2025 là:

- Nợ gốc thẻ: 28,870,000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn tính từ ngày **08/5/2023** đến ngày **20/9/2023**: 4,521,754 đồng;
- Nợ lãi quá hạn tính từ ngày **21/9/2023** đến ngày **18/9/2025**: 37,313,012 đồng; ( $150\% \times \text{lãi trong hạn} / 365 \times \text{dư nợ gốc} \times \text{số ngày quá hạn}$ );
- Nợ phí chậm trả **21/5/2023** đến ngày **20/09/2023**: 711,665 đồng;
- Tổng dư nợ: **71,416,430 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi một triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi đồng.)**

HĐXX nhận thấy : Ngày 07/09/2022, ông Thái Hồng A có đề nghị mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng thương mại cổ phần T3 (T2) thông qua hình thức trực tuyến (online) theo quy định của T2. Sau khi đánh giá khách hàng, ngày 07/09/2022 T2 đã chấp thuận đề nghị của ông Thái Hồng A, đồng thời phát hành cho ông Thái Hồng A một thẻ tín dụng với thông tin: Số thẻ: 498796xxxxxx5069; Loại thẻ: Thẻ tín dụng quốc tế T2 Evo hạng Silver; Hạn mức thẻ tín dụng: 29,000,000 đồng; Mục đích: Thanh toán, tiêu dùng; Lãi, phí áp dụng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày **07/09/2022** đến ngày **20/05/2023**, tổng số tiền ông Thái Hồng A đã giao dịch, sử dụng bằng thẻ là **202,216,160** đồng; Số tiền ông Thái Hồng A thanh toán cho T2 là **175,095,402** đồng, bao gồm số tiền gốc: **172,480,000** đồng; phí, lãi: **2,615,402** đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo khoản 1 Điều 6 của bản Điều kiện

và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế T2, số hiệu 026/2022/SP-TPB.RB).

Từ ngày **05/06/2023**, ông Thái Hồng A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại T2. T2 đã làm việc, gửi thông báo nhắc nợ nhưng không nhận được sự hợp tác trả nợ từ ông Thái Hồng A. Việc vi phạm nghĩa vụ của ông Thái Hồng A như trên đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của T2. Do ông Thái Hồng A vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên ngày **20/09/2023** T2 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. (Căn cứ theo khoản 3.b Điều 6 của bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế T2, số hiệu 026/2022/SP-TPB.RB).

Như vậy, do Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó HĐXX căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 317, 463, 465 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số nợ nói trên và bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tiếp phần nợ lãi, lãi quá hạn và các chi phí khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng trên kể từ ngày **18/9/2025** cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản nợ.

**[3].** Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa Nguyên đơn chỉ yêu cầu ông Thái Hồng A trả số tiền gốc và lãi, phí tổng cộng **71,416,430** đồng; Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 được sửa đổi, bổ sung 2025 nên cần được chấp nhận.

**[4].** Đối với lời đề nghị của VKS: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn; xét thấy phù hợp với nhận định của HĐXX nên cần được chấp nhận.

**[5].** Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần T1 nên bị đơn ông Thái Hồng A phải chịu án phí sơ thẩm là: 3.571.000 đồng; căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **I. Căn cứ:**

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Điều 317, 463, 465 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 15 Điều 4; Điều 91; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng 2010;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng thương mại cổ phần T1** đối với **Thái Hồng A** về “*Tranh chấp thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng*”.

- Buộc Thái Hồng A thanh toán ngay cho Ngân hàng Tổng dư nợ: **71,416,430 đồng** (**Bằng chữ: Bảy mươi một triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi đồng**).  
**trong đó:** Nợ gốc thẻ: 28,870,000 đồng; Nợ lãi trong hạn tính từ ngày **08/5/2023** đến ngày **20/9/2023**: 4,521,754 đồng; Nợ lãi quá hạn tính từ ngày **21/9/2023** đến ngày **18/9/2025**: 37,313,012 đồng;  $(150\% * \text{lãi trong hạn} / 365 * \text{dư nợ gốc} * \text{số ngày quá hạn})$ ; Nợ phí chậm trả **21/5/2023** đến ngày **20/09/2023**: 711,665 đồng;

2. Về nghĩa vụ chậm trả: Kể từ ngày 19/9/2025 ông Thái Hồng A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc **28,870,000** đồng chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận giấy đề nghị mở thẻ kèm hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: 3.571.000 đồng ông Thái Hồng A phải chịu.

Hoàn trả cho **Ngân hàng thương mại cổ phần T1** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.214.000 đ (hai triệu hai trăm mười bốn nghìn đồng) theo biên lai thu số 7652 ngày 06/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhân:**

- Các đương sự;
- VKSND Khu Vực 4- Đà Nẵng;
- THADS Khu Vực 4 - Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Hoàng**



**H**